

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 122/2023/HS-ST
Ngày 26-12-2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN X, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Bá Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Mên.

2. Ông Trần Đình Hưởng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Cù Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 120/2023/TLST-HS, ngày 22 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 119/2023/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Ngọc L, sinh ngày 25 tháng 7 năm 1996 tại tỉnh Quảng Trị. Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm biển; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Q, sinh năm 1976 và bà Lê Thị S, sinh năm 1977; vợ, con: Không; tiền án: Tại Bản án số 71/2020/HSST, ngày 21/09/2020 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tại Bản án số 28/2022/HS-ST, ngày 29/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Trị xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí của các bản án và chấp hành xong hình phạt tù lần cuối vào ngày 25/5/2023, chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 14/2014/HSST, ngày 12/09/2014 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong án phạt tù, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về án phí và trách nhiệm dân sự, đã được xóa án

tích và tại Bản án số 04/2016/HSST, ngày 14/01/2016 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong án phạt tù, thực hiện xong nghĩa vụ về án phí, đã được xoá án tích; Bị tạm giam ngày 28/8/2023, theo Lệnh bắt bị can để tạm giam số 52/LB, ngày 28/8/2023 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

- *Bị hại:*

+ Bà Nguyễn Thị Thụy M, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp 0, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

+ Bà Lê Thị Yến N, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Ấp B1, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Ông Phan Đình T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 05/7/2023, Lê Ngọc L đi bộ đến Trường Mầm non AD thuộc ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Tới đây, L trèo qua tường rào để vào nhà bếp của trường, khi vào trong L nhìn thấy bà Nguyễn Thị Thụy M và bà Lê Thị Yến N đang nằm ngủ, kế bên có 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J8, màu tím, bên trong gắn sim số 0386177... và 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A21s, màu xanh đen, bên trong gắn sim số 0922934..., L lén lút lấy 02 chiếc điện thoại cất giấu vào túi quần bên phải rồi nhanh chóng rời đi. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, L đi xe buýt đến thành phố V, trên đường đi L tháo 02 sim điện thoại của 02 chiếc điện thoại trên và ném đi, sau đó bán chiếc điện thoại Samsung Galaxy J8 cho người đàn ông làm nghề xe ôm (không rõ nhân thân, lai lịch) với giá 400.000 đồng và trả tiền xe ôm với số tiền 50.000 đồng, còn lại 350.000 đồng thì dùng vào việc chi tiêu cá nhân. Chiếc điện thoại Samsung Galaxy A21s, L giữ lại sử dụng đến ngày 26/08/2023 thì mang bán cho ông Phan Đình T ở ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu với giá 1.000.000 đồng. Số tiền này, L cũng đã sử dụng hết cho mục đích cá nhân.

Khi mất tài sản, bà Lê Thị Yến N có đơn gửi đến Công an xã B, huyện X để trình báo và đề nghị giải quyết (B1 1). Sau đó, cơ quan chức năng đã tiến hành lập biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc; vẽ sơ đồ nơi xảy ra vụ việc (B1 21-

23); lập biên bản khám nghiệm hiện trường, vẽ sơ đồ hiện trường và chụp ảnh hiện trường (B1 24-57); Thông báo truy tìm vật chứng (B1 66) và ra quyết định tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu gồm: 01 (một) USB màu xanh, hiệu Kingston, trên USB có chữ DT101 G2 (B1 65) và 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A21s, màu xanh đen, số IMEI 1: 351662617140..., IMEI 2: 352465217140... (B1 68).

Tại Kết luận định giá tài sản số 86/KL-HĐĐG, ngày 07/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã kết luận tại thời điểm xảy ra vụ án, giá trị thiệt hại của tài sản cụ thể: 01 điện thoại Samsung Galaxy J8 là 1.500.000 đồng; 01 điện thoại Samsung Galaxy A21s là 1.000.000 đồng; 01 sim điện thoại mạng Viettel là 25.000 đồng và 01 sim điện thoại mạng Vietnamobile là 25.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là 2.550.000 đồng (B1 61).

Tại bản Cáo trạng số 119/CT-VKSXM, ngày 21/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu truy tố bị cáo Lê Ngọc L về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện X thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa hình sự giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Ngọc L phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Về hình phạt chính: Phạt bị cáo Lê Ngọc L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 28/8/2023).

- Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo do không có nghề nghiệp ổn định.

Trách nhiệm dân sự:

- Đối với bị hại là bà Nguyễn Thị Thụy M, bà M đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét, giải quyết.

- Đối với bị hại là bà Lê Thị Yên N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Phan Đình T đều không yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản bị chiếm đoạt và số tiền 1.000.000 đồng đã mua chiếc điện thoại của bị cáo nên ghi nhận sự tự nguyện của bà N và ông T.

Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng Hình sự.

- 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy A21s, màu xanh đen của bà Nguyễn

Thị Thụy M. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X đã trả lại cho bà M là đúng quy định của pháp luật nên không xem xét, giải quyết.

- 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy J8, màu tím; 01 sim điện thoại số 0386177... và 01 sim điện thoại số 0922934... do chưa thu hồi được nên không có cơ sở xem xét, giải quyết.

- Lưu theo hồ sơ vụ án: 01 (một) USB màu xanh, hiệu Kingston, trên USB có chữ DT101 G2.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã nhận thức được hành vi đã thực hiện là vi phạm pháp luật và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo thật sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội và không bào chữa, tranh luận.

Bị hại là bà Nguyễn Thị Thụy M và bà Lê Thị Yến N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Phan Đình T vắng mặt tại phiên tòa. Bà M đã nhận lại tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình nên không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Bà N và ông T trong quá trình điều tra đã có ý kiến về việc không yêu cầu bị cáo bồi thường tài sản bị chiếm đoạt cũng như không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000 đồng. Ngoài lời khai có trong hồ sơ vụ án thì bà N và ông T không ai gửi văn bản trình bày bổ sung gì thêm đồng thời cũng không có yêu cầu bồi thường.

Khi nói lời sau cùng, bị cáo gửi lời xin lỗi đến bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và xin Hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo sớm có cơ hội tái hòa nhập cộng đồng, trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội: Khoảng 12 giờ ngày 05/7/2023, Lê Ngọc L đã lẻn lút vào Trường Mầm non AD thuộc ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu lấy trộm của bà Nguyễn Thị Thụy M 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy A21s, màu xanh đen, bên trong gắn sim số 0922934... có giá trị 1.025.000 đồng và của bà Lê Thị Yến N 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy J8, màu tím, bên trong gắn sim số 0386177... có giá trị 1.525.000 đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc; sơ đồ nơi xảy ra vụ việc; biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và

bản ảnh hiện trường; phù hợp với kết luận định giá tài sản; với vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tài sản bị chiếm đoạt được xác định là: 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy J8, có giá 1.500.000 đồng; 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy A21s, có giá 1.000.000 đồng; 01 (một) 01 sim điện thoại mạng Viettel có giá 25.000 đồng và 01 (một) sim điện thoại mạng Vietnamobile có giá 25.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại là: 2.550.000đ (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

Động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo: Bị cáo đã thành niên, có sức khỏe và đủ nhận thức để hiểu được những điều cấm của pháp luật đối với mọi hành vi phạm tội về xâm phạm sở hữu nhưng do tham lam, lười lao động, bị cáo đã bất chấp tất cả quy định của pháp luật, lợi dụng sự sơ hở và mất cảnh giác của bị hại, cố ý lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chủ sở hữu để bán lấy tiền, sử dụng vào mục đích cá nhân.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác, đây là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ, tạo dư luận xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện đến cùng. Hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện X truy tố bị cáo và việc luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, quá trình lượng hình có xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[2] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; thiệt hại mà bị cáo gây ra không lớn cho bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo được xác định là người có tiền án tại Bản án số 71/2020/HSST, ngày 21/09/2020 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và tại Bản án số 28/2022/HS-ST, ngày 29/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Trị xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Mặc dù, bị cáo đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về án phí của các bản án nêu trên và chấp hành xong hình phạt tù lần cuối vào ngày 25/5/2023 nhưng chưa được xóa án tích; về nhân

thân, ngày 12/09/2014 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 14/2014/HSST và ngày 14/01/2016 bị Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 04/2016/HSST nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân để tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu trở thành người công dân tốt mà do lười lao động, tham lam nên cố ý thực hiện hành vi phạm tội mới thuộc cùng một loại tội xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác. Trong vụ án này, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng bị cáo là người có nhân thân xấu, thuộc diện khó giáo dục, cải tạo nên không thể áp dụng xử mức án dưới khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự mà cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo ý thức tôn trọng pháp luật, tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới. Đồng thời, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

- Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Sự vắng mặt của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng tất cả đã có lời khai làm rõ các tình tiết liên quan đến vụ án nên việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 292 và Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, vẫn tiến hành xét xử.

[4] Hình phạt bổ sung: Bị cáo là người có nghề nghiệp không ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là phù hợp.

[5] Trách nhiệm dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Thụy M đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu đòi bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Yên N về việc không yêu cầu đòi lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan Đình T về việc không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 1.000.000 đồng.

[6] Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy A21s, màu xanh đen là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị Thụy M. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X đã

trả lại cho bà M từ giai đoạn điều tra là đúng quy định của pháp luật nên không xem xét, giải quyết.

- 01 (một) điện thoại Samsung Galaxy J8, màu tím; 01 (một) sim điện thoại số 0386177... và 01 (một) sim điện thoại số 0922934... chưa thu hồi được. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện X đã có Thông báo truy tìm, khi tìm thấy sẽ xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- 01 (một) USB màu xanh, hiệu Kingston, trên USB có chữ DT101 G2. Đây là thiết bị điện tử đã ghi lại một phần diễn biến nội dung của vụ án, có giá trị chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên lưu theo hồ sơ vụ án.

[7] Các vấn đề khác:

- Đối với người đàn ông làm nghề xe ôm (không rõ nhân thân, lai lịch) mà bị cáo khai đã bán chiếc điện thoại Samsung Galaxy J8 vào ngày 05/7/2023 tại thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Đến nay, chưa xác định được tên, tuổi và địa chỉ cụ thể của người này, ngoài lời khai của bị cáo, Cơ quan Cảnh sát Điều tra không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào khác, cũng như chưa làm việc được. Do đó, cần tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ và xử lý sau nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, giải quyết.

- Đối với ông Phan Đình T, sinh năm 1983 là chủ Cửa hàng di động NT, không biết tài sản của bị cáo do phạm tội mà có nên đã mua chiếc điện thoại Samsung Galaxy A21s, màu xanh đen với giá 1.000.000 đồng để bán lại kiếm lời nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý về hành vi của ông T.

[8] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát Điều tra công an huyện X; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện X được phân công điều tra, kiểm sát giải quyết vụ án thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, tranh luận nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, có cơ sở để xác định các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Ngọc L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về hình phạt:

+ Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Lê Ngọc L 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 28/8/2023).

+ Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

- Trách nhiệm dân sự:

+ Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Yến N về việc không yêu cầu đòi lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan Đình T về việc không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 1.000.000đ (một triệu) đồng.

- Xử lý vật chứng: Lưu theo hồ sơ vụ án 01 (một) USB màu xanh, hiệu Kingston, trên USB có chữ DT101 G2.

(Vật chứng thu giữ để trong 01 phong bì màu trắng được niêm phong, một mặt có in hình dấu của Công an xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu kèm theo các chữ ký và chữ viết ghi tên Phan Duy L, Trương Đại N, Lê Thị Yến N, Thượng úy Vũ Văn T).

- Về án phí: Bị cáo Lê Ngọc L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn) đồng.

- Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện X;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- CQ Điều tra Công an huyện X;
- CQ THA hình sự Công an huyện X;
- UBND xã B, huyện X;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV06, PC10–Công an tỉnh BR-VT;
- CCTHA Dân sự huyện X;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Bá Khuyến